ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44 /2023/QĐ-UBND	*Long An, ngày 24 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5285/TTr-STC ngày 16/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 *(chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)* trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

STT	Mã nhóm, loại tài nguyên	Tên tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế (Đồng)	Ghi chú
TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN KHÔNG KIM LOẠI					
01	II1	Đất khai thác san lấp, xây dựng công trình	m^3	49.000	
02	II2 01 02	Các loại cuội, sỏi, sạn khác	m^3	168.000	
03	II5 01	Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	m^3	56.000	
04	II7	Đất làm gạch, ngói	m^3	178.500	
05	II1901	Than bùn	tấn	280.000	
NƯỚC THIÊN NHIÊN					
06	**V1**	**Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp**			
6.1	V1 01	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên đóng chai, đóng hộp			
6.1.1	V1 01 01	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng trung bình (so với tiêu chuẩn đóng chai phải lọc bỏ một số hợp chất để hợp quy với Bộ Y tế)	m^3	450.000	
6.1.2	V1 01 02	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên dùng để đóng chai, đóng hộp chất lượng cao (lọc, khử vi khuẩn, vi sinh, không phải lọc một số hợp chất vô cơ)	m^3	1.100.000	

STT	Mã nhóm, loại tài nguyên	Tên tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế (Đồng)	Ghi chú
6.1.3	V1 01 03	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên đóng chai, đóng hộp	m^3	1.650.000	
6.2	V1 02	Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp			
6.2.1	V1 02 01	Nước thiên nhiên khai thác tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m^3	200.000	Có đầu tư hệ thống khai thác nước thiên nhiên
6.2.2	V1 02 02	Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m^3	500.000	Sử dụng trực tiếp nước của thủy cục
07	**V2**	**Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch**			
7.1	V2 01	Nước mặt	m^3	2.000	
7.2	V2 02	Nước dưới đất (nước ngầm)	m^3	4.000	
08	**V3**	**Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác**			
8.1	V3 01	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	m^3	60.000	
8.2	V3 02	Nước thiên nhiên dùng cho khai khoáng	m^3	40.000	
8.3	V3 03	Nước thiên nhiên dùng mục đích khác như làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng.	m^3	3.000	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024, được áp dụng để kê khai, quyết toán cho kỳ tính thuế tài nguyên từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2024.

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính *(Tổng Cục thuế)*;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KSTTHC – VP Chính phủ;
- Cục KTVB QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh *(b/c)*;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC, Ban NCTCD;
- Lưu: VT, STC, Nguyên.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Huỳnh Văn Sơn